

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **197/2023/DS-ST**

Ngày: 30/6/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lý Văn Huệ;
- Ông Nguyễn Đình Phúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 887/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2841/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4429/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng E (tầng trệt) và tầng F, tòa nhà ST, số A, đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, ông Trương Văn K, ông Nguyễn Ngọc T - Là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 129190.22 ngày 22/11/2022); Địa chỉ: Tầng S, tòa nhà P, số U, đường U, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Dương K, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số X, đường N, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T có mặt, bị đơn bà Dương K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022, bản tự khai đề ngày 30/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 27/5/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký với bà Dương K Hợp đồng tín dụng số 5031142.19. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng đồng ý cho bà Dương K vay số tiền là 497.000.0000 đồng để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA loại CERATO mang biển kiểm soát số 51H-055.59 cho mục đích sử dụng, tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày 30/5/2019 cho đến ngày 29/5/2027. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,2%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,2%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Ngoài ra, hàng tháng vào ngày 30, bà Dương K còn có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc, số tiền là 5.178.000 đồng, tháng cuối cùng trả hết số tiền còn lại và khoản nợ lãi, ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 30/6/2019. Việc trả phí theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ với lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Dương K đã thế chấp tài sản là xe ô tô hiệu KIA loại CERATO mang biển kiểm soát số 51H-055.59, màu đỏ, số khung: RNYBC41A6KC153388, số máy: G4FGKH725607 theo Hợp đồng thế chấp phương diện vận tải số 8244110.19 ngày 27/5/2019.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, ngày 29/5/2019 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Dương K theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 9366921.19 với số tiền là 497.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của bà Dương K và phù hợp với hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 30/6/2023 bà Dương K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 246.916.421 đồng (bao gồm nợ gốc là 144.016.776 đồng và nợ lãi là 102.899.645 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Dương K vẫn luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên ngày 31/10/2021, Ngân hàng đã chuyển khoản vay của bà Dương K thành khoản nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/6/2023 bà Dương K còn nợ Ngân hàng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019 là 481.204.568 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 352.983.224 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.476.677 đồng và lãi quá hạn là 114.744.667 đồng).

Ngoài ra, ngày 17/3/2020, bà Dương K và Ngân hàng đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản). Căn cứ vào thu nhập của bà Dương K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 49.000.000 đồng, loại thẻ V Online Plus, tài khoản thẻ số 000000000286863 cho mục đích vay tiêu dùng; lãi, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng. Theo biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng đến ngày 11/01/2023 thì Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất là 36%/năm. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ

ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Dương K đã thực hiện các giao dịch như sau: Tổng phát sinh dư nợ gốc là 57.513.043 đồng (bao gồm: Nợ gốc đã thanh toán là 13.751.113 đồng, nợ gốc chưa thanh toán là 43.761.930 đồng), tổng phát sinh lãi là 45.108.686 đồng (bao gồm: Nợ lãi đã thanh toán là 26.132.193 đồng, nợ lãi chưa thanh toán là 18.976.493 đồng), tổng phát sinh phí là 65.379.878 đồng (bao gồm: Phí đã thanh toán là 22.047.561 đồng, phí chưa thanh toán là 43.332.317 đồng). Do đó, bà Dương K còn nợ Ngân hàng số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 106.070.740 đồng. Ngân hàng chỉ yêu cầu bà Dương K thanh toán số tiền 106.070.740 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 43.761.930 đồng, nợ lãi là 18.976.493 đồng và phí là 43.332.317 đồng) và lãi, phí không phát sinh kể từ ngày 11/01/2023.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Dương K thanh toán số tiền của Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019 tính đến ngày 30/6/2023 là 481.204.568 đồng (bao gồm nợ gốc là 352.983.224 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.476.677 đồng và lãi quá hạn là 114.744.667 đồng) và số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/3/2020 còn nợ tính đến ngày 30/6/2023 là 106.070.740 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 43.761.930 đồng, nợ lãi là 18.976.493 đồng và phí là 43.332.317 đồng). Và bà Dương K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà Dương K có trách nhiệm thanh toán tiền theo các hợp đồng tín dụng giao kết, ngoài ra không yêu cầu ai cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 8244110.19 ngày 27/5/2019 giữa Ngân hàng và bà Dương K và xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu KIA loại CERATO mang biển kiểm soát số 51H-055.59, số khung: RNYBC41A6KC153388, số máy: G4FGKH725607.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của bà Dương K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của các bên và Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Dương K thanh toán số tiền của hợp đồng tín dụng còn lại tính đến ngày 30/6/2023 là 481.204.568 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 352.983.224 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.476.677 đồng và lãi quá hạn là 114.744.667 đồng) và số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại tính đến ngày 30/6/2023 là 106.070.740 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 43.761.930 đồng, nợ lãi

là 18.976.493 đồng và phí là 43.332.317 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 01/7/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam và bị đơn bà Dương K giao kết hợp đồng tín dụng ngày 27/5/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/3/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên. Căn cứ kết quả xác minh ngày 06/3/2023 của Công an phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn bà Dương K hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ Số X, đường N, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, có chữ ký xác nhận của bà Dương K và đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam có cơ sở xác định: Ngày 27/5/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam đã cho bà Dương K vay với số tiền là 497.000.000 đồng, mục đích mua 01 xe ô tô hiệu KIA loại CERATO mang biển kiểm soát số 51H-055.59 và ngày 17/3/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam đã cấp thẻ tín dụng cho bà Dương K với hạn mức cấp tín dụng là 49.000.000 đồng. Việc giao kết hợp đồng tín dụng ngày 27/5/2019 và ngày 17/3/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

[4]. Đối với Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn: Căn cứ Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9366921.19 ngày 29/5/2019 và Bảng tính lãi tính đến ngày 30/6/2023 thể hiện sau khi được giải ngân số tiền là 497.000.000 đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số

tiền nợ gốc là 144.016.776 đồng. Thời hạn của hợp đồng cho vay là 96 tháng (kể từ ngày 30/5/2019 cho đến ngày 29/5/2027), phương thức thanh toán trả gốc là hàng tháng, theo đó vào ngày 30 hàng tháng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc cho nguyên đơn với số tiền là 5.178.000 đồng, tháng cuối cùng trả hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 352.983.224 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 4 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho nguyên đơn, tuy nhiên dựa theo bảng sao kê lịch sử thanh toán do nguyên đơn cung cấp, không có chứng cứ nào cho thấy bị đơn đã thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019 là 352.983.224 đồng.

[6]. Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019 giữa các bên thỏa thuận mức lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,2%/năm (lãi suất ưu đãi này chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay). Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của nguyên đơn tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm nên từ ngày 30/5/2020 đến ngày 30/10/2021 là 12,7%/năm; ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 30/6/2019; việc trả phí theo quy định của nguyên đơn trong từng thời kỳ với lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31/10/2021, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn (tức 19,5%/năm đến ngày 30/5/2022 và lãi suất 19,35%/năm từ ngày 31/5/2022 đến nay) là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 4.3 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán được số tiền lãi là 102.899.645 đồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2023) bao gồm: Nợ lãi trong hạn là 13.476.677 đồng và lãi quá hạn là 114.744.667 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

[7]. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 8244110.19 ngày 27/5/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn và xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu KIA loại CERATO mang biển kiểm soát số 51H-055.59, số khung: RNYBC41A6KC153388, số máy: G4FGKH725607 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản) ngày 17/3/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn: Căn cứ bảng sao kê lịch sử thanh toán của bị đơn thể hiện trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thực hiện các giao dịch như sau: Tổng phát sinh dư nợ gốc là 57.513.043 đồng (bao gồm: Nợ gốc đã thanh toán là 13.751.113 đồng, nợ gốc chưa thanh toán là 43.761.930 đồng), tổng phát sinh lãi là 45.108.686 đồng (bao gồm: Nợ lãi đã thanh toán là 26.132.193 đồng, nợ lãi chưa thanh toán là 18.976.493 đồng), tổng phát sinh phí là 65.379.878 đồng (bao gồm: Phí đã thanh toán là 22.047.561 đồng, phí chưa thanh toán là 43.332.317 đồng). Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng còn lại là 106.070.740 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 43.761.930 đồng, nợ lãi là 18.976.493 đồng và phí là 43.332.317 đồng) là có cơ sở để chấp nhận. Ngoài ra, nguyên đơn xác định lãi, phí đối với hợp đồng này không phát sinh kể từ ngày 11/01/2023.

[9]. Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của bị đơn.

[10]. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền của Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/3/2020 tính đến ngày 30/6/2023 là 587.275.308 đồng. Trong đó, dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019 là 481.204.568 đồng (bao gồm nợ gốc là 352.983.224, nợ lãi trong hạn là 13.476.677 đồng và nợ lãi quá hạn là 114.744.667 đồng) và dư nợ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/3/2020 là 106.070.740 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 43.761.930 đồng, nợ lãi là 18.976.493 đồng và phí là 43.332.317 đồng). Ngoài ra, bị đơn có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Bị đơn bà Dương K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.491.012 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[12]. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam.

Buộc bị đơn bà Dương K phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam tổng số tiền còn nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa bà Dương K và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam tính đến ngày 30/6/2023 là 587.275.308 đồng, trong đó:

Hợp đồng tín dụng số 5031142.19 ngày 27/5/2019 là 481.204.568 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 352.983.224 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.476.677 đồng và nợ lãi quá hạn là 114.744.667 đồng).

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/3/2020 là 106.070.740 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 43.761.930 đồng, nợ lãi là 18.976.493 đồng và phí là 43.332.317 đồng).

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, bà Dương K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã giao kết.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam về việc không yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 8244110.19 ngày 27/5/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam và bà Dương K và xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu KIA loại CERATO mang biển kiểm soát số 51H-055.59, số khung: RNYBC41A6KC153388, số máy: G4FGKH725607.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Dương K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.491.012 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.281.149 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0018047 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Dương K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tâm

